

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC QUANG
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 7/3/2018

*"V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Giàng Văn Tiến
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Chuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Chúng Minh Duẩn là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Lượng - Kiểm sát viên

Ngày 7 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 189/2017/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 10 năm 2017 về *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 02 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2018/QĐ-HPT, ngày 28/02/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nùng Thị B, sinh năm 1992 "Có mặt"
2. *Bị đơn:* Anh Lù Văn T, sinh năm 1994 "Vắng mặt"

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện B, tỉnh H

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/10/2017 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nùng Thị B trình bày: Chị và anh Lù Văn T tự nguyện tìm hiểu, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng Tâm, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang vào ngày 23/9/2014, trên cơ sở tự nguyện của cả đôi bên. Sau khi kết hôn chị cùng anh T về nhà chồng tại thôn B, xã Đ, huyện B để sinh sống, anh chị chung sống với nhau hạnh phúc trong khoảng một năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T ham chơi, thường xuyên uống rượu về chửi bới vợ con dẫn đến anh chị

xô sát, cãi vã nhau. Mâu thuẫn giữa hai anh chị ngày một căng thẳng và cũng đã được gia đình, bạn bè khuyên giải nhưng quan hệ vợ chồng giữa anh chị vẫn không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên từ tháng 02/2017 chị B đã bỏ về nhà mẹ đẻ tại xã T, huyện H sinh sống từ đó cho đến nay, còn anh T vẫn sống tại thôn B, xã Đ, huyện B, mỗi người sống một nơi không quan tâm gì đến nhau, việc ai người đấy làm. Chị B nhận thấy cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh T.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn là anh Lù Văn T khai: Anh Lù Văn T xác nhận việc anh chị kết hôn, tình trạng hôn nhân hiện nay của anh chị đúng như lời trình bày của chị B. Theo anh, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn giữa anh chị là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến hai vợ chồng xảy ra xô sát, cãi vã nhau. Nay chị B có yêu cầu ly hôn thì anh không nhất trí nếu chị B cương quyết xin ly hôn thì anh yêu cầu chị B trả lại tiền sinh lễ cho gia đình anh là 300.000.000 đồng.

Về con chung: Chị Nùng Thị B và anh Lù Văn T đều khai nhận quá trình chung sống, anh chị có hai con chung cháu Lù Thị N1, sinh ngày 14/6/2014 và cháu Lù Thị N, sinh ngày 5/7/2016. Khi ly hôn chị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu N, giao cháu N1 cho anh T nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con, còn anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi hai con và yêu cầu chị B phải cấp dưỡng nuôi con với số tiền là 2.000.000 đ/ tháng cho đến khi các cháu N1, cháu N đủ 18 tuổi.

Về chia tài sản: Chị Nùng Thị B và anh Lù Văn T đều khai nhận quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các biên bản xác minh ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang với bà Lù Thị M là mẹ đẻ anh Lù Văn T, với bà Lâm Thị C là trưởng B, xã Đ nơi chị Nùng Thị B và anh Lù Văn T sinh sống phản ánh về tình trạng hôn nhân của anh chị như sau:

Chị Nùng Thị B và anh Lù Văn T kết hôn tháng 9/2014, có thời gian ngắn chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh T uống rượu say dẫn đến anh chị xô sát, cãi vã nhau, mâu thuẫn giữa hai anh chị diễn ra trong thời gian dài đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng quan hệ hôn nhân của anh chị vẫn không được cải thiện. Do mâu thuẫn vợ chồng nên tháng 02/ 2017 chị B đã trở về nhà bố mẹ đẻ tại xã T, huyện H để sinh sống, còn anh T vẫn sống tại nhà bố mẹ đẻ tại thôn B, xã Đ, mỗi người một nơi, không quan tâm gì đến nhau, việc ai người đấy làm. Hiện nay anh T làm ruộng có mức thu nhập từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đ/ tháng, không có tài sản, không có nhà ở riêng mà sống ở nhà bố mẹ đẻ tại thôn B, xã Đ, huyện B. Theo trưởng thôn B nếu anh T nuôi cả hai con thì sẽ không đảm bảo điều kiện chăm sóc các cháu được tốt.

Tại biên bản làm việc ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang với đại diện UBND xã Đ cho biết: Anh T làm ruộng, không có nhà mà phải ở nhờ nhà bố mẹ đẻ sẽ không đảm bảo điều kiện nuôi hai con được tốt, chị B có

nguyện vọng nuôi con và cũng có điều kiện nuôi con thì Tòa án xem xét giao cho mỗi người nuôi một con, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con sẽ đảm bảo điều kiện tốt nhất cho trẻ.

Tại buổi hoà giải ngày 16/01/2018, anh T xin được đoàn tụ nhưng không đưa ra biện pháp cải thiện quan hệ vợ chồng. Tòa án mở phiên hoà giải lần hai nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Do đó Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên toà hôm nay, Chị B vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin được ly hôn anh T, về con chung chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N, giao cháu N1 cho anh T nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung không có nên chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên toà:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị Nùng Thị B được ly hôn anh Lù Văn T; về việc nuôi con chung đề nghị HĐXX, giao cháu Lù Thị N, sinh ngày 5/7/2016 cho chị Nùng Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, giao cháu Lù Thị N1, sinh ngày 14/6/2014 cho anh Lù Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con; về án phí đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Nguyên đơn là chị Nùng Thị B có đơn khởi kiện “Ly hôn và tranh chấp nuôi con” với bị đơn là anh Lù Văn T, mà anh Lù Văn T cư trú tại thôn B, xã Đ, huyện B theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang.

Về sự vắng mặt của bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn anh Lù Văn T vắng mặt tại phiên toà không có lý do, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Lù Văn T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nùng Thị B và anh Lù Văn T xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, anh chị có thời gian ngắn chung sống với nhau hạnh phúc. Đến cuối năm 2015 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T thường xuyên uống rượu, không quan tâm đến vợ con dẫn đến anh chị xô sát, cãi vã nhau, mâu thuẫn giữa hai anh chị diễn ra trong thời gian dài đã được hai bên gia đình hoà giải nhưng quan hệ hôn nhân của anh chị vẫn không được cải thiện. Vì vậy đến tháng

02/ 2017 chị B đã phải cùng cháu N trở về nhà bố mẹ đẻ tại xã T, huyện Hể sinh sống, anh chị mỗi người một nơi, không quan tâm gì đến nhau, việc ai người đẩy làm. Tại buổi hoà giải lần đầu, anh T không nhất trí ly hôn. Nếu phải ly hôn anh yêu cầu chị B phải trả lại đồ sính lễ là 300.000.000 đ và anh T vắng mặt tại buổi hoà giải sau mà không có lý do. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Nùng Thị B được ly hôn anh Lù Văn T.

[2.2] *Về việc nuôi con:* Quá trình chung sống, chị Nùng Thị B và anh Lù Văn T có hai con chung là cháu Lù Thị N1, sinh ngày 14/6/2014 và cháu Lù Thị N, sinh ngày 5/7/2016. Khi ly hôn chị B có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu N, giao cháu N1 cho anh T nuôi dưỡng và không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Do chị B và anh T có 2 con chung, các cháu đều nhỏ và xét điều kiện chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con thấy rằng anh, chị đều làm ruộng, có mức thu nhập từ 2000.000 đồng đến 3.000.000 đ/ tháng, không có tài sản và không có nhà ở riêng mà phải sống nhờ ở nhà bố mẹ đẻ, yêu cầu nuôi con của chị B, anh T đều xuất phát từ tình cảm, vì lợi ích của các con nên cần giao mỗi người nuôi một con. Tuy nhiên cháu N dưới 3 tuổi nên cần sự chăm sóc của chị B nên cần xử giao cháu N cho chị B nuôi dưỡng. Vì vậy căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu N cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, giao cháu N1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] *Về yêu cầu đòi đồ sính lễ:* Anh Lù Văn T đòi lại tiền sính lễ là 300.000.000 đồng khi chị B có yêu cầu ly hôn là trái quy định của pháp luật. Tuy Nên anh T đã được Toà án giải thích các quy định có liên quan đến yêu cầu trên và hậu quả pháp lý đối với yêu cầu trái quy định của pháp luật, bị nghiêm cấm đồng thời Toà án đã yêu cầu anh T cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của anh nhưng anh T không cung cấp chứng cứ nên HĐXX cũng xem đây là trường hợp tự từ bỏ yêu cầu của mình, HĐXX không đề cập giải quyết

[2.4] *Về chia tài sản chung:* Quá trình chung sống, anh chị không có tài sản chung nên chị Nùng Thị B và anh Lù Văn T không yêu cầu Toà án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[2.5] Ngoài ra nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định của pháp luật.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, khoản 1, 2 Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nùng Thị B được ly hôn anh Lù Văn T.
2. Về nuôi con: Xử giao cháu Lù Thị N1, sinh ngày 14/6/2014 cho anh Lù Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu N1 đủ 18 tuổi, giao cháu Lù Thị N, sinh ngày 5/7/2016 cho chị Nùng Thị B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu N đủ 18 tuổi, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nùng Thị B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số: 03294, ngày 16/10/2017 của cơ quan Chi cục thi hành án dân sự huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Đồng Tâm;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đinh Thị Hồng